

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1503/BTP-PBGDPL

Hà Nội, ngày 05 tháng 05 năm 2017

*V/v hướng dẫn thực hiện thủ
tục yêu cầu Tòa án công
nhận kết quả hòa giải thành ở
cơ sở*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Bộ luật tố tụng dân sự được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 25/11/2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016 (sau đây gọi là Bộ luật), tại Chương XXXIII của Bộ luật quy định “Thủ tục công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án”. Để tạo điều kiện cho các bên tham gia hòa giải thành ở cơ sở thực hiện việc đề nghị Tòa án nhân dân công nhận kết quả hòa giải thành, sau khi thống nhất với Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn như sau:

1. Điều kiện công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở

1.1. Các bên tham gia thỏa thuận hòa giải có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

1.2. Vụ, việc được hòa giải tuân thủ đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở;

1.3. Các bên tham gia thỏa thuận hòa giải là người có quyền, nghĩa vụ đối với nội dung thỏa thuận hòa giải. Trường hợp nội dung thỏa thuận hòa giải thành liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người thứ ba thì phải được người thứ ba đồng ý;

1.4. Có văn bản hòa giải thành. Nội dung thỏa thuận hòa giải thành là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc người thứ ba;

1.5. Một hoặc cả hai bên có đơn yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở.

2. Tòa án có thẩm quyền ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở là Tòa án nhân dân cấp huyện nơi người yêu cầu cư trú, làm việc 1.

3. Thủ tục yêu cầu Tòa án ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở

3.1. Người yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở (là một bên hoặc cả hai bên) phải gửi đơn đến Tòa án theo quy định tại Điều 418 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

a) Đơn yêu cầu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Ngày, tháng, năm làm đơn;

- Tên Tòa án có thẩm quyền ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở;

- Tên, địa chỉ; số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử (nếu có) của người yêu cầu;

- Tên, địa chỉ của những người có liên quan đến việc nội dung thỏa thuận hòa giải thành ở cơ sở (nếu có);

- Tên, địa chỉ của Hòa giải viên, tổ hòa giải đã tiến hành hòa giải;

- Các thông tin khác mà người yêu cầu xét thấy cần thiết cho việc giải quyết yêu cầu của mình;
- Người yêu cầu là cá nhân phải ký tên hoặc điểm chỉ, nếu là cơ quan, tổ chức thì đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức đó phải ký tên và đóng dấu vào phần cuối đơn; trường hợp tổ chức yêu cầu là doanh nghiệp thì việc sử dụng con dấu được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp.

(Xem mẫu đơn đính kèm Công văn này).

b) Kèm theo đơn yêu cầu, người yêu cầu phải gửi văn bản về kết quả hòa giải thành theo quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.

Văn bản về kết quả hòa giải thành do hòa giải viên ở cơ sở lập theo quy định tại Khoản 4 Điều 21 và Khoản 2 Điều 24 Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013.

Văn bản hòa giải thành gồm các nội dung chính sau đây:

- Căn cứ tiến hành hòa giải;
- Thông tin cơ bản về các bên;
- Nội dung chủ yếu của vụ, việc;
- Diễn biến của quá trình hòa giải;
- Thỏa thuận đạt được và giải pháp thực hiện;
- Quyền và nghĩa vụ của các bên;
- Phương thức, thời hạn thực hiện thỏa thuận;
- Chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên và của hòa giải viên.

(Xem mẫu văn bản hòa giải thành ở cơ sở đính kèm Công văn này).

3.2. Thời hạn gửi đơn: Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày lập văn bản hòa giải thành.

4. Trình tự, thủ tục công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở của Tòa án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự (Điều 419 Bộ luật tố tụng dân sự).

5. Hiệu lực của Quyết định công nhận hoặc không công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở của Tòa án

5.1. Quyết định công nhận hoặc không công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở của Tòa án có hiệu lực thi hành ngay, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5.2. Việc Tòa án không công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở không ảnh hưởng đến nội dung và giá trị pháp lý của kết quả hòa giải ở cơ sở.

5.3. Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án được thi hành theo pháp luật về thi hành án dân sự.

6. Người nộp đơn yêu cầu Tòa án ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở phải nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 1 Điều 36 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Mức lệ phí là 300.000 đồng quy định tại Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Trường hợp được miễn hoặc không phải nộp tiền tạm ứng lệ phí Tòa án thực hiện theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14.

7. Việc yêu cầu Tòa án ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở là hoàn toàn tự nguyện, các bên có quyền gửi đơn yêu cầu hoặc không gửi đơn yêu cầu.

Bộ Tư pháp đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Sở Tư pháp phổ biến quy định này đến hòa giải viên ở cơ sở để hướng dẫn cho các bên tranh chấp thực hiện sau khi tiến hành hòa giải thành.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tư pháp (Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật, qua đồng chí Nguyễn Thị Quế, số điện thoại 04.62739470, email: quent@moj.gov.vn)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Tòa án nhân dân tối cao (để phối hợp);
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc TW (để thực hiện);
- Cục Công nghệ thông tin, Bộ Tư pháp (để đăng tải);
- Lưu: VT, Vụ PBGDPL.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phan Chí Hiếu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN YÊU CẦU

GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

(V/v: yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở)

Kính gửi: TÒA ÁN NHÂN DÂN⁽¹⁾

Họ tên người yêu cầu:

1⁽²⁾ Sinh năm:

Địa chỉ ⁽³⁾:

Số điện thoại: Fax:

Địa chỉ thư điện tử:(nếu có).

2 Sinh năm:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Fax:

Địa chỉ thư điện tử:(nếu có).

Hòa giải viên

1. Họ và tên:

Tổ hòa giải:

2. Họ và tên ⁽⁴⁾:

Tổ hòa giải:

Tôi (chúng tôi) xin trình bày với Tòa án nhân dân ⁽⁵⁾

việc như sau:

1. Vấn đề yêu cầu Tòa án giải quyết: Ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án giữa ông (bà) với ông (bà) về tranh chấp

2. Lý do, mục đích yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nêu trên: Nhằm bảo đảm thực hiện thỏa thuận hòa giải thành ở cơ sở.

3. Căn cứ của việc yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề nêu trên: Biên bản hòa giải thành được lập ngày tháng năm

4. Nội dung, thỏa thuận hòa giải thành yêu cầu Tòa án công nhận

.....

.....

5. Tên và địa chỉ của những người có liên quan đến những vấn đề yêu cầu Tòa án giải quyết⁽⁶⁾:

.....

6. Thông tin khác⁽⁷⁾:

Danh mục tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn gồm có⁽⁸⁾:

1.

2.

3.

Tôi cam kết những lời khai trong đơn là hoàn toàn đúng sự thực.

....., ngày.....tháng.....năm...⁽⁹⁾

NGƯỜI YÊU CẦU⁽¹⁰⁾

Hướng dẫn ghi mẫu đơn:

(1) và (5) Ghi tên Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết việc dân sự; Cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện A thuộc tỉnh B) và địa chỉ của Tòa án đó.

(2) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi họ tên; nếu người yêu cầu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và ghi họ, tên của người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức yêu cầu đó.

(3) Ghi địa chỉ nơi cư trú tại thời điểm nộp đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự. Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi đầy đủ địa chỉ nơi cư trú (ví dụ: Nguyễn Văn A, cư trú tại thôn B, xã C, huyện M, tỉnh H); nếu người yêu cầu là cơ quan, tổ chức thì ghi địa chỉ trụ sở chính của cơ quan, tổ chức đó (ví dụ: Công ty TNHH Hin Sen có trụ sở: Số 20 phố LTK, quận HK, thành phố H). Ghi địa chỉ nơi làm việc nếu người yêu cầu là cá nhân (ví dụ: Công ty TNHH Hải An, số 264 phố ĐC, quận BĐ, thành phố H).

(4) Ghi hòa giải viên thứ hai đối với trường hợp có 02 hòa giải viên cùng tiến hành hòa giải.

(6) Ghi rõ họ tên và địa chỉ nơi cư trú, địa chỉ nơi làm việc của những người mà người yêu cầu cho rằng có liên quan đến vấn đề yêu cầu Tòa án giải quyết.

(7) Ghi những thông tin khác mà người yêu cầu xét thấy cần thiết cho việc giải quyết yêu cầu của mình.

(8) Ghi rõ Biên bản hòa giải thành ở cơ sở lập ngày, tháng, năm nào, tại đâu và tên các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn yêu cầu gồm có những gì, là bản sao hay bản chính, đánh số thứ tự (ví dụ: 1. Bản sao Giấy khai sinh của...; 2. Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...).

(9) Ghi địa điểm, thời gian làm đơn yêu cầu (ví dụ: Hà Nội, ngày tháng năm.....).

(10) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì phải có chữ ký hoặc điểm chỉ của người yêu cầu đó; nếu là cơ quan tổ chức yêu cầu thì người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức yêu cầu ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ của mình và đóng dấu của cơ quan, tổ chức đó. Trường hợp tổ chức yêu cầu là doanh nghiệp thì việc sử dụng con dấu theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Xã, phường, thị trấn:

.....

Thôn, tổ dân phố:

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HÒA GIẢI THÀNH Ở CƠ SỞ

Hôm nay, vào..... giờ..... phút, ngày.....tháng.....năm.....

Tại:

Tiến hành hòa giải tranh chấp ở cơ sở

Căn cứ tiến hành hòa giải⁽¹⁾:.....

.....

.....

.....

Thành phần gồm có:

Người tiến hành hòa giải:

- Ông (Bà)..... - Hòa giải viên.

- Ông (Bà)..... ⁽²⁾

Các bên tranh chấp:

Ông (Bà)⁽³⁾:.....

Địa chỉ⁽⁴⁾:.....

Ông (Bà):.....

Địa chỉ:.....

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

Ông (Bà):.....

Địa chỉ:.....

Nội dung chủ yếu của vụ, việc (5):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Diễn biến quá trình hòa giải⁽⁶⁾:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....
.....
.....
.....
.....

Thỏa thuận đạt được và giải pháp thực hiện:

.....
.....
.....

Quyền và nghĩa vụ của các bên:

.....
.....
.....
.....
.....

Phương thức, thời hạn thực hiện thỏa thuận:

.....
.....
.....

Cuộc hòa giải kết thúc hồi.....giờ.....phút ngày..... tháng..... năm....., biên bản được lập thành bản, gửi 02 bên tranh chấp, mỗi bên 01 bản, tổ hòa giải thôn, tổ dân phố ⁽⁷⁾01 bản và được các bên nhất trí cùng ký tên dưới đây.

Các bên đạt được thỏa thuận hòa giải thành ⁽⁸⁾

Người được mời tham gia hòa giải

Hòa giải viên

Ký ghi rõ họ tên

Ký ghi rõ họ tên

Ký ghi rõ họ tên

Hướng dẫn ghi Biên bản hòa giải thành ở cơ sở:

(1) Ghi một trong các bên tranh chấp yêu cầu hòa giải hoặc do hòa giải viên chứng kiến, biết vụ việc thuộc phạm vi hòa giải hoặc theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (ví dụ: Theo đề nghị của Hội Phụ nữ thôn, bản... hoặc theo đề nghị của bà Nguyễn Thị Y là mẹ đẻ chị Nguyễn Thị B).

(2) Ghi “Hòa giải viên” nếu có 02 hòa giải viên thực hiện hòa giải hoặc ghi chức vụ, chức sắc của người được mời tham gia hòa giải như trưởng họ, già làng, giáo phụ trưởng, hoặc người có trình độ pháp lý, kiến thức xã hội hoặc đại diện của cơ quan, tổ chức... (Ví dụ: Ông Nguyễn Văn A - Trưởng họ, người được mời tham gia hòa giải).

(3) Nếu bên tranh chấp là cá nhân thì ghi họ tên; nếu bên tranh chấp là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và ghi họ, tên của người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức đó.

(4) Ghi địa chỉ nơi cư trú tại thời điểm tiến hành hòa giải. Nếu bên tranh chấp là cá nhân thì ghi đầy đủ địa chỉ nơi cư trú (ví dụ: thôn B, xã C, huyện M, tỉnh H); nếu bên tranh chấp là cơ quan, tổ chức thì ghi địa chỉ trụ sở chính của cơ quan, tổ chức đó (ví dụ: Công ty TNHH Hin Sen có trụ sở: Số 20 phố LTK, quận HK, thành phố H). Ghi địa chỉ nơi làm việc nếu bên tranh chấp là cá nhân (ví dụ: Công ty TNHH Hải An, số 264 phố ĐC, quận BĐ, thành phố H).

(5) Ghi tóm tắt tranh chấp, mâu thuẫn giữa các bên.

(6) Ghi diễn biến của buổi hòa giải, ý kiến các bên.

(7) Ghi rõ địa chỉ thôn, tổ dân phố (ví dụ: thôn A, xã B, huyện C, tỉnh M hoặc tổ dân phố số 1, phường X, quận Y, thành phố H).

(8) Nếu bên tranh chấp là cá nhân thì phải có chữ ký hoặc điểm chỉ của người đó; nếu là cơ quan tổ chức thì người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức yêu cầu ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ của mình và đóng dấu của cơ quan, tổ chức đó.

¹ Căn cứ Khoản 7 Điều 27; Điểm a Khoản 2 Điều 35 và Điểm s Khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015